

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

-----o0o-----

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

XÁC NHẬN

Ngày 11 tháng 01 năm 2024

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG VĂN DÂN

Số: 13
Ngày 11 tháng 01 năm 2024

Trần Thị Diễm Phúc

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN
XUẤT KHẨU NĂM 2023**

PHÒNG TN & MT QUẬN Ô MÔN	
ĐẾN:	Số: 30
	Ngày: 11/01/2024
Chuyển:	
Lưu hồ sơ:	

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2024
BAN QUẢN LÝ CÁC KCC & CN CẦN THƠ
HÒNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
KÝ XÁC NHẬN

Nguyễn Chí Minh Thuận

Cần Thơ, Tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

-----o0o-----

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN
XUẤT KHẨU NĂM 2023**

**CHỦ CƠ SỞ
Công Ty TNHH
Một thành viên Hùng Phúc
GIÁM ĐỐC**



Cần Thơ, Tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iii
BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023.....	1
THÔNG TIN CHUNG.....	1
Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	2
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải	2
1.1. Xử lý nước thải	2
1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	2
1.1.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải.....	2
1.1.3. Công trình xử lý nước thải	3
1.1.3.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt.....	3
1.1.3.2. Biện pháp giảm thiểu nước thải nhà ăn.....	4
1.1.3.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải từ quá trình sản xuất	4
1.1.4. Lưu lượng nước thải sinh hoạt	5
1.1.5. Lưu lượng nước thải sản xuất.....	5
1.2. Kết quả quan trắc nước thải	5
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải	5
1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động.....	7
1.2.3. Quan trắc định kỳ nước mặt	7
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải	8
2.1. Xử lý khí thải.....	8
2.2. Kết quả quan trắc khí thải	8
2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ	8
2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục	9
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường	9
4. Về quản lý chất thải nguy hại.....	10
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	10
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	10
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.....	10
5.2.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải	10
5.2.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải	11
5.2.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	11
5.2.4. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông.....	12
5.2.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động	12
5.2.6. Biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho CNV làm việc tại Cơ sở.....	13
5.2.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm.....	13

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	14
7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).....	14
PHỤ LỤC.....	15

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc	6
Bảng 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước thải vượt QCVN	6
Bảng 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc	7
Bảng 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước mặt vượt QCVN	8
Bảng 5. Thống kê vị trí điểm quan trắc	8
Bảng 6. Thống kê CTRSH	9
Bảng 7. Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)	9

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải	2
Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở	3
Hình 3. Cấu tạo bể tự hoại	3
Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cơ sở	4

**CÔNG TY TNHH MTV
HÙNG PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2024...

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023
THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: “Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản Xuất khẩu”.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 133, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ công trình: Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

+ Số điện thoại: 02923 768 443.

- Người đại diện: Đỗ Hùng Long; Chức vụ: Giám đốc.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy sản;

- Quy mô/công suất: 5.500 tấn sản phẩm/năm.

- Tần suất hoạt động: Hoạt động thường xuyên;

- Giấy đăng ký kinh doanh số 1800688588 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 6 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Mã số thuế: 1800688588.

- Quyết định số 52/QĐ.STNMT ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ về việc: Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, Lô 2-9A2 Khu công nghiệp Trà Nóc 2, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ”.

- Công văn số 3290/STNMT-CCBVMT ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ về việc ý kiến tiếp tục sử dụng Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn lần thứ 3) số 50/GP-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

- Hợp đồng xử lý nước thải số 04/HĐ-XLNT.KCN ký kết ngày 22 tháng 09 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc.

- Giấy chứng nhận ISO 14001 (nếu có): Không có.

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất:

+ Khối lượng sản phẩm năm 2023: 4.500 tấn sản phẩm/năm;

- + Khối lượng sản phẩm năm 2022: 4.000 tấn sản phẩm/năm.
- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):
 - + Tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2023: 6.160.300 kW/năm.
 - + Tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2022: 6.120.200 kW/năm.
 - + Tổng lượng nước tiêu thụ của năm 2023: Nước máy: khoảng 18.500 m³/năm; nước dưới đất: 16.210 m³/năm.
 - + Tổng lượng nước tiêu thụ của năm 2022: Nước máy: khoảng 32.400 m³/năm; nước dưới đất: 24.549 m³/năm.

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

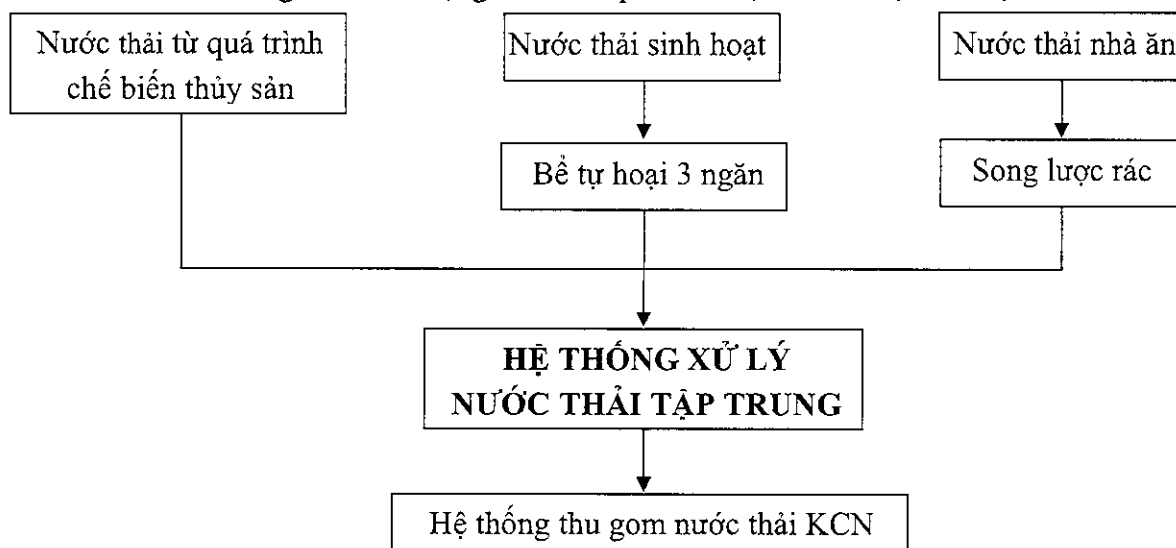
1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm nước thải từ quá trình chế biến thủy sản, nước thải sinh hoạt của CNV và nước thải từ nhà ăn.

1.1.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải

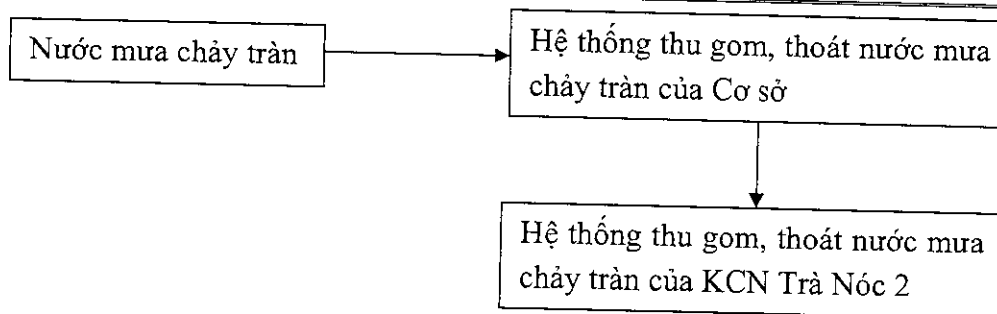
- Sơ đồ thu gom tất cả lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động Cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để được xử lý cùng với nước thải từ quá trình sản xuất và nước thải nhà ăn. Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A trước khi dẫn vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa được thể hiện như sau:



Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở

Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên Cơ sở được quy ước là nước sạch do phần lớn diện tích sân đường của Cơ sở đã được bê tông hóa nên được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở bao gồm hồ ga và cống dẫn nước. Sau đó, nước mưa được dẫn vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Trà Nóc 2.

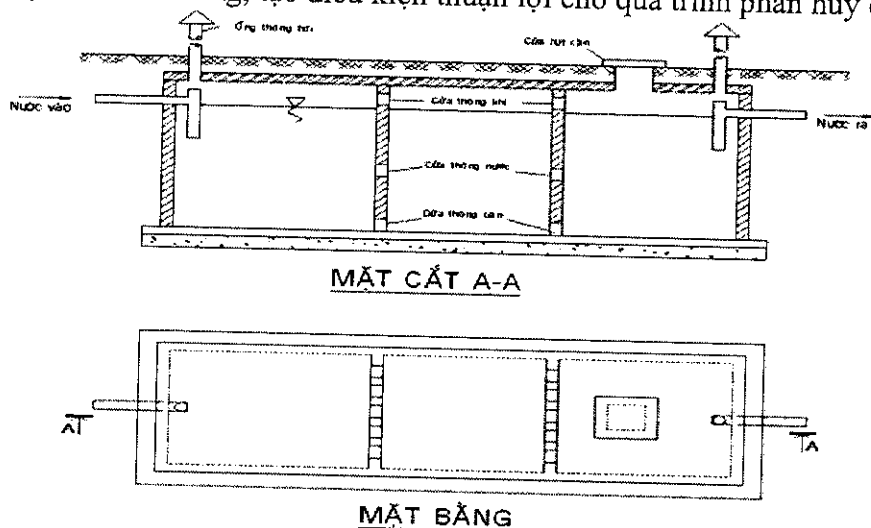
1.1.3. Công trình xử lý nước thải

1.1.3.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt

Tất cả lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải ngấm dần qua các ngăn lọc với vật liệu lọc là than và đá. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí.

Bể tự hoại của Cơ sở được xây dựng như sau: Các ngăn bể tự hoại được chia làm hai phần: Phần lắng nước thải (phía trên) và phần lên men cặn lắng (phía dưới). Thời gian lưu nước trong bể là 3 ngày. Do vận tốc trong bể nhỏ nên phân lớp cặn lơ lửng được lắng lại. Lượng cặn trong bể được lấy ra theo định kỳ 6 tháng một lần. Mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn sau này.



Hình 3. Cấu tạo bể tự hoại

Vai trò của bể tự hoại ba ngăn là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ và chứa cặn. Hiệu suất xử lý làm giảm khoảng 60% BOD so với đầu vào. Do phần lớn cặn tập trung ở ngăn thứ nhất nên dung tích ngăn này chiếm khoảng

50% – 70% dung tích toàn bể. Các ngăn thứ 2 hoặc ngăn thứ 3 có dung tích bằng 25% – 35% dung tích toàn bể. Vì vậy, nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại chưa thể cho thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận mà cần phải qua quá trình xử lý khác nhằm làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đến mức cho phép. Do đó, nước thải sau bể tự hoại sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

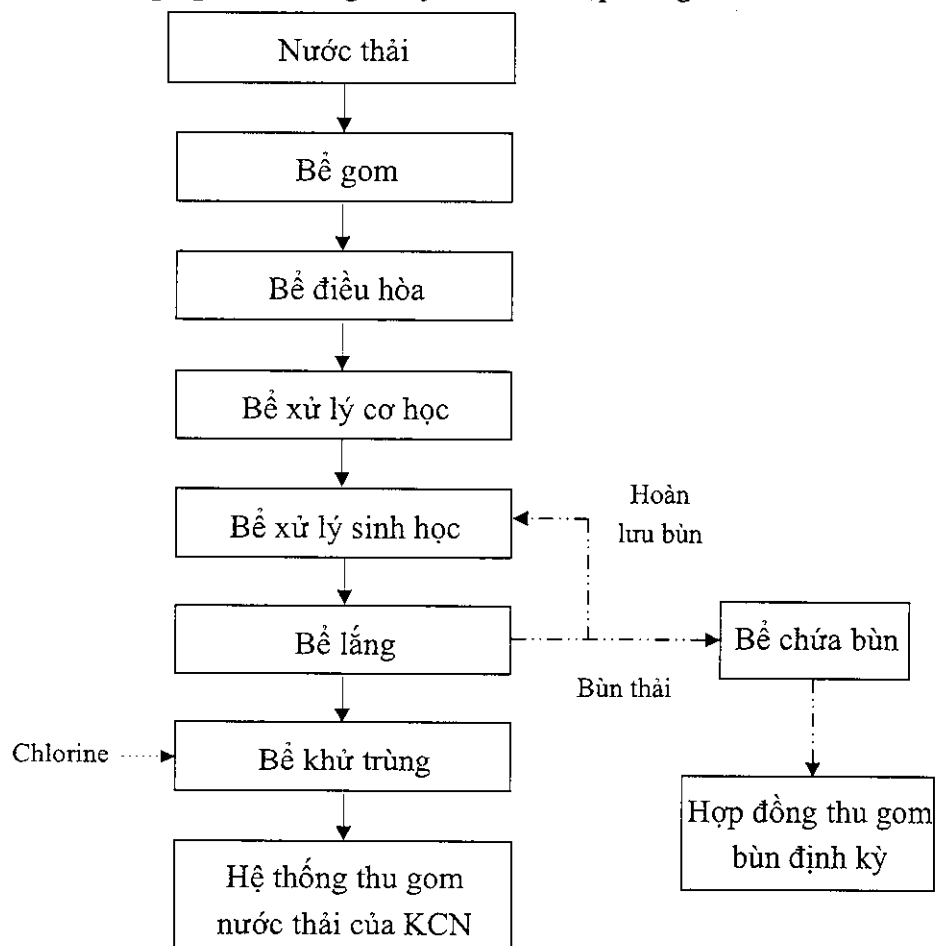
1.1.3.2. Biện pháp giảm thiểu nước thải nhà ăn

Nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom, chảy qua song lược rác để loại bỏ các thành phần rác thải có kích thước lớn ra khỏi nước thải; sau đó, nước thải được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để được xử lý cùng với các loại nước thải khác phát sinh trong quá trình hoạt động Cơ sở.

1.1.3.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải từ quá trình sản xuất

Tất cả nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm xử lý nước thải đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Cột A.

- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải

Tất cả lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom và dẫn vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tiếp theo, nước thải được dẫn vào bể điều hòa nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm

trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn vào bể xử lý cơ học, tại đây dưới tác dụng của trọng lực, các thành phần lơ lửng lắng xuống đáy bể. Tiếp theo, nước thải được dẫn vào bể xử lý sinh học, các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý dưới tác động của các vi sinh vật thiếu khí và vi sinh vật hiếu khí; sau quá trình xử lý sinh học, nước thải được dẫn vào bể lắng nhằm loại bỏ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Phần nước trong phía trên được chảy sang bể khử trùng; tại bể khử trùng, nước thải được châm dung dịch Chlorine để loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A trước khi dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để được tiếp tục xử lý. Phần bùn thải một phần được hoàn lưu về bể xử lý sinh học, phần còn lại được dẫn về bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý thích hợp theo quy định.

Công trình xử lý nước thải của Nhà máy không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ phê duyệt.

1.1.4. Lưu lượng nước thải sinh hoạt

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2022 với tổng lưu lượng: 8.248 m³/ngày.đêm.

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2023 với tổng lưu lượng: 4.650 m³/ngày.đêm.

1.1.5. Lưu lượng nước thải sản xuất

- Lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm 2022 với tổng lưu lượng: 49.848 m³/ngày.đêm.

- Lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm 2023 với tổng lưu lượng: 39.150 m³/ngày.đêm.

- Tình hình đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp: Chủ cơ sở đã ký hợp đồng đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để được tiếp tục xử lý theo Hợp đồng số 04/HĐ-XLNT.KCN ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc
- Lần 1: Ngày 15/06/2023;
- Lần 2: Ngày 01/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước thải					
-	Nước thải đầu vào	NT1	15/06/2023	576791	1118230	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung
			01/12/2023			
-	Nước thải đầu ra	NT2	15/06/2023	576809	1118222	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung
			01/12/2023			

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:

+ 02 mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ 02 mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Đo đạc và Phân tích Môi trường
Phương Nam. Số Vmcerts: 075.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn:

**Bảng 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước thải vượt
QCVN**

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN 11- MT:2015/ BTNMT – Cột A
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nước thải đầu vào	NT1	15/06/2023					
-	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung	NT1	15/06/2023	576791	1118230	BOD ₅ (20°C)	301	30
						COD	557	75
						Chất rắn lơ lửng (SS)	188	50
						Tổng Nitơ (tính theo N)	60	30
						Tổng Photpho (tính theo P)	32	10
						Tổng coliforms	4,3x10 ⁶	3.000
2	Nước thải đầu vào	NT1	01/12/2023					
-	Nước thải đầu vào hệ	NT1	01/12/2023	576791	1118230	BOD ₅ (20°C)	316	30
						COD	593	75

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN 11-MT:2015/ BTNMT – Cột A
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	thông xử lý nước thải tập trung					Chất rắn lơ lửng (SS)	180	50
						Tổng Nitơ (tính theo N)	66,1	30
						Tổng Photpho (tính theo P)	13,8	10
						Tổng coliforms	4,6x10 ⁵	3.000

Nước thải đầu ra NT2 đạt quy chuẩn.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Nhà máy thuộc đối tượng không phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục do lưu lượng xả nước thải của nhà máy thấp và Nhà máy tọa lạc trong KCN Trà Nóc 2. Bên cạnh đó, Công ty TNHH MTV Hùng Phúc đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ vào ngày 22 tháng 9 năm 2022.

1.2.3. Quan trắc định kỳ nước mặt

- Thời gian quan trắc
- Lần 1: Ngày 15/06/2023;
- Lần 2: Ngày 01/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

Bảng 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước mặt					
-	Nước mặt rạch Sang Trắng	NM	15/06/2023	576859	1118308	Nước mặt rạch Sang Trắng tại vị trí cách nhà máy 100 m nơi tiếp nguồn nước thải
			01/12/2023			

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
- + 01 mẫu nước mặt rạch Sang Trắng tại vị trí cách nhà máy 100 m nơi tiếp nguồn nước thải;

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT – Loại B.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Đo đạc và Phân tích Môi trường Phương Nam. Số Vimcerts: 075.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn:

Bảng 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước mặt vượt QCVN

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN 08:2023/BTNMT – Loại B
				Kinh độ	Vĩ độ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nước mặt							
-	Lần 1	NM	15/6/2023	576859	1118308	BOD ₅	16	≤ 6,0
						COD	22	≤ 15
-	Lần 2	NM	01/12/2023	576859	1118308	BOD ₅	12	≤ 6,0
						COD	27	≤ 15

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Do đặc trưng của loại hình sản xuất của Nhà máy nên Nhà máy không phát sinh khí thải gây ô nhiễm môi trường và Nhà máy không xây dựng công trình xử lý khí thải. Tuy nhiên, Chủ cơ sở quan trắc điều kiện môi trường lao động và môi trường không khí xung quanh Cơ sở. Do đó, Báo cáo trình bày kết quả quan trắc môi trường lao động và môi trường không khí xung quanh Cơ sở.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

- Thời gian quan trắc
- Lần 1: Ngày 15/06/2023;
- Lần 2: Ngày 01/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

Bảng 5. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Không khí xung quanh					
-	Không khí xung quanh 01	KK1	15/06/2023	576663	1118333	Khu vực phân xưởng Nhà máy
			01/12/2023			
-	Không khí xung quanh 02	KK2	15/06/2023	576568	1118388	Khu vực cổng Nhà máy
			01/12/2023			

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
- + 01 mẫu không khí xung quanh Khu vực phân xưởng Nhà máy;
- + 01 mẫu không khí xung quanh Khu vực cổng Nhà máy.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
- + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + Quyết định 3733/QĐ-BYT đối với môi trường không khí xung quanh khu vực phân xưởng;
- + QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- + QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Đo đạc và Phân tích Môi trường Phương Nam. Số Vmcerts: 075.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không có.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê chất thải phát sinh:

Bảng 6. Thống kê CTRSH

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	98,916	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Minh Thông	98,930

Bảng 7. Thống kê CTCNNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)

TT	Nhóm CTCNNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)	0	-	0
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNNTT)	18.967	Hộ kinh doanh Lê Thị Lan	18.996

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Phụ phẩm thủy sản	950.000	Công ty TNHH MTV Thủy sản Đại Hà	950.010

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): Trong quá trình hoạt động của Cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại. Tuy nhiên, Chủ cơ sở đã ký hợp đồng số 39/2023/HĐ-TĐX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Để đảm bảo các hoạt động không phát sinh các sự cố môi trường tại Nhà máy. Chủ cơ sở sẽ ban hành những quy định, định kỳ tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức cho toàn thể các CNV.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

5.2.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải một số sự cố có thể xảy ra như sự cố rò rỉ, vỡ đường ống dẫn nước thải; sự cố nghẹt ống; máy bơm nước thải, bơm bùn không hoạt động,... Do đó, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước:

- Cơ sở sẽ tiến hành lưu trữ nước thải phát sinh tại bể gom, bể điều hòa. Cả 02 hạng mục này đều có chức năng thu gom, lưu trữ nước thải phát sinh và điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Trong khoảng thời gian lưu trữ, Chủ cơ sở sẽ tiến hành sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị hư hỏng nhằm đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành sớm nhất có thể;

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục và song song với quá trình hoạt động của Cơ sở;

- Bố trí nhân viên chuyên trách để quản lý chất lượng môi trường tại Cơ sở;

- Kiểm tra hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cách thu và phân tích mẫu nước thải của Cơ sở;

- Định kỳ tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của Cơ sở để báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

Bên cạnh đó, khi nước thải đầu ra hệ thống xử lý không đạt quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2, Chủ cơ sở sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung, áp dụng các biện pháp khắc phục sự cố được đơn vị thi công hướng dẫn trong Sổ tay vận hành hệ thống xử lý nước thải;

ngoài ra, khi vượt quá khả năng giải quyết của nhân viên vận hành, Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng sửa chữa, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2 để được tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Ngoài ra, Chủ cơ sở bố trí nhân viên làm việc luân phiên, phụ trách quản lý môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở. Nhân viên này có các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung được vận hành liên tục;
- Kiểm tra, nạo vét, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải, các máy móc, thiết bị, các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Kiểm tra đường ống dẫn nước thải sau khi xử lý;
- Phát hiện và khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Kiểm tra, ghi chép và ký tên xác nhận sổ nhật ký giám sát lưu lượng nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Chịu trách nhiệm phát hiện, thông báo và đề xuất các biện pháp giảm thiểu sự cố của hệ thống xử lý nước thải trước Chủ cơ sở.

5.2.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải: Không có

5.2.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

**Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ*

Sự cố cháy nổ khi xảy ra sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, do đặc điểm của loại hình hoạt động tại Cơ sở là chế biến thủy sản nên công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ được Chủ cơ sở đặc biệt quan tâm và sẽ áp dụng các biện pháp sau để phòng chống xảy ra sự cố cháy nổ:

- Niêm yết các tiêu lệnh, biển báo, quy định PCCC, trang bị các thiết bị ứng phó sự cố cháy nổ;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của CNV về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng, hậu quả khi xảy ra sự cố cháy nổ;
- Thành lập đội PCCC tại Cơ sở;
- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho CNV, nêu chi tiết các nhiệm vụ cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ. Chủ cơ sở thường xuyên mở các lớp tập huấn về PCCC cho CNV làm việc tại Cơ sở.

**Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ*

Khi CNV phát hiện đám cháy sẽ thực hiện lần lượt các tiêu lệnh PCCC chung theo quy định:

- Hô to “cháy, cháy, cháy”;
- Ngắt điện nơi xảy ra cháy;

- Dùng các phương tiện chữa cháy phù hợp, có trang bị tại Cơ sở để dập tắt đám cháy. Tất cả CNV thực hiện công tác chữa cháy đều phải được trang bị bảo hộ, mặt nạ chống độc,...

- Gọi điện thoại số 114 báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của tỉnh khi đám cháy vượt ngoài tầm kiểm soát;

- Lực lượng CNV không thuộc đội PCCC Cơ sở sẽ được di dời ra khỏi khu vực Cơ sở và cảnh báo các công ty xung quanh;

Xử lý sau khi dập tắt đám cháy:

- Sau khi dập tắt đám cháy hoàn toàn, đội PCCC Cơ sở bảo vệ tốt hiện trường xảy ra cháy, giao lại đầy đủ hiện vật tại chỗ cho Chỉ huy và tổ giám định của Công an PCCC để xác định điều tra nguyên nhân gây cháy, đồng thời cử nhân viên túc trực tại khu vực cháy để theo dõi những tàn lửa có thể còn sót lại cho đến khi có lệnh của lãnh đạo thì triển khai khắc phục hậu quả.

Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố:

- Sau khi xảy ra sự cố cháy nổ, Chủ cơ sở sẽ tổ chức họp với tất cả CNV làm việc tại Cơ sở nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với các tình huống khẩn cấp.

5.2.4. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để phòng ngừa tai nạn giao thông:

- Quy định phương tiện vận chuyển của CNV và khách hàng đến Cơ sở liên hệ phải xuống xe, tắt máy, dẫn bộ khi vào khuôn viên Cơ sở;

- Tuyên truyền cho CNV ý thức về an toàn giao thông;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển theo quy định;

- Lắp đặt hệ thống các biển cảnh báo chú ý quan sát và xe ra vào thường xuyên khu vực Cơ sở.

5.2.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động để phòng tránh và hạn chế những tai nạn lao động xảy ra sẽ làm tăng năng suất và hiệu quả công việc. Chủ cơ sở thực hiện một số giải pháp sau:

- Nhân viên trực máy làm việc trong các phòng điều khiển, cách ly với khu vực lắp đặt máy móc thiết bị. Công nhân lao động làm việc theo thời gian quy định như trên và không vận chuyển hàng hóa bằng phương pháp thủ công;

- Định kỳ tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao kiến thức về an toàn lao động cho toàn thể CNV trước khi giao việc theo đúng quy định;

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang bằng than hoạt tính có tính chất lọc được hơi độc, mặt nạ chống khí độc, găng tay cao su, kính bảo hộ, giày ủng bảo hộ lao động, nút bịt tai,... để công nhân sử dụng khi lao động;

- Trang bị vòi rửa mắt tại phòng chứa Chlorine nhằm ứng phó sự cố khi Chlorine tiếp xúc vào mắt của CNV trong quá trình làm việc;

- Xây dựng các nội quy, quy định an toàn lao động như:

+ Nghiêm cấm sử dụng rượu bia trước và trong khi làm việc. Cấm làm việc tại nơi có biển báo nguy hiểm đã có rào chắn;

+ Cấm hút thuốc lá và đặt chất dễ cháy vào kho chứa nguyên, nhiên liệu dễ cháy, trên các phương tiện có chứa xăng dầu và nơi có nhiều dây điện. Phải có dụng cụ PCCC ở gần nơi chứa xăng dầu, chất dễ cháy. Khi tiếp xúc với thiết bị có sử dụng nguồn điện phải được sử dụng đồ dùng và trang bị cách điện tốt;

+ Trước khi làm việc, công nhân phải kiểm tra, chuẩn bị trang bị an toàn và sử dụng đồ bảo hộ lao động tốt như quần áo, giày ủng, găng tay... và khẩu trang thích hợp.

+ Tất cả các công nhân trước khi vào Cơ sở làm việc phải được huấn luyện 03 bước:

• Bước 1: Cán bộ an toàn lao động hướng dẫn;

• Bước 2: Quản đốc phân xưởng (hoặc cấp tương đương) hướng dẫn;

• Bước 3: Tổ trưởng tổ sản xuất hướng dẫn.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động;

- Lập hàng rào cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ;

Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả các CNV, đảm bảo CNV có sức khỏe tốt khi làm việc tại Cơ sở.

5.2.6. Biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho CNV làm việc tại Cơ sở

Nhằm hạn chế các căn bệnh nghề nghiệp nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe của CNV làm việc tại Cơ sở, bên cạnh việc xây dựng, lắp đặt các thiết bị hiện đại phát sinh chất thải thấp trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở áp dụng giải pháp làm việc theo ca xoay vòng, đảm bảo tất cả các CNV được nghỉ ngơi thích hợp và làm việc tại Cơ sở với sức khỏe tốt nhất, nghiêm cấm trường hợp tăng ca liên tục trong vòng 3 ngày. Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ thực hiện chế độ ăn uống đầy đủ dinh dưỡng, bổ sung các dưỡng chất cần thiết, đảm bảo sức khỏe cho CNV làm việc tại Cơ sở. Ngoài ra, Chủ cơ sở cũng thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CNV theo Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp cho người lao động, nhằm phát hiện kịp thời và đề ra biện pháp điều trị thích hợp cho CNV trong trường hợp bị bệnh nghề nghiệp do quá trình làm việc tại Cơ sở.

5.2.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm

Do đặc thù của loại hình hoạt động tại Cơ sở là chế biến thủy sản xuất khẩu ra các thị trường khó tính trên thế giới như EU, Nhật Bản,... nên công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được Chủ cơ sở đặc biệt quan tâm. Các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được áp dụng tại Cơ sở như sau:

- Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu trước khi thu mua;

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong công đoạn sản xuất: Trang bị cho tất cả công nhân trang phục bảo hộ lao động, áp dụng quy trình

khử khuẩn trước khi vào phân xưởng sản xuất; vệ sinh máy móc, thiết bị sản xuất sau mỗi ngày làm việc;

- Sản phẩm được tạo thành sẽ được thu mẫu để kiểm tra chất lượng, lượng hóa chất và chất cấm; bên cạnh đó, sản phẩm cũng sẽ được di chuyển qua máy rà kim loại nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

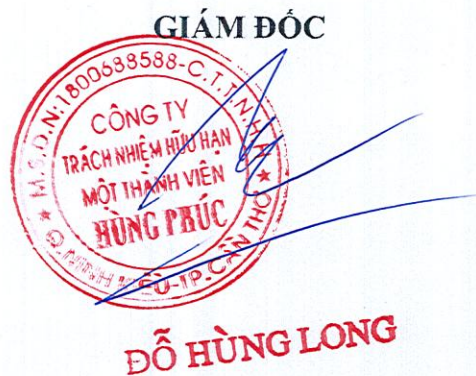
Không có

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Không có

Nơi nhận:

- CCBVMT;
- Phòng TN&MT quận Ô Môn;
- Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ;
- Cty CP XD Hạ tầng KCN Cần Thơ;
- Lưu: VT.



PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Kết quả thử nghiệm
- Phụ lục 2: Các giấy tờ kèm theo



Số 52.../QĐ.STNMT

Cần Thơ, ngày 11, tháng 8 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN-MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Về việc: Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu,
Lô 2-9A2 Khu công nghiệp Trà Nóc 2, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ"

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Căn cứ Quyết định số 278/2004 QĐ-UB ngày 03 tháng 08 năm 2004 của UBND thành phố Cần Thơ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên-Môi trường thành phố Cần Thơ;
- Xét biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, Lô 2-9A2 Khu công nghiệp Trà Nóc 2, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ" ngày 7/8 2006.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, Lô 2-9A2 Khu công nghiệp Trà Nóc 2, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ" đã được thẩm định thông qua ngày 7/8/2006 và những nội dung đã bổ sung theo yêu cầu.

- Điều 2.** Chủ dự án phải thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê chuẩn và những yêu cầu bắt buộc sau đây:
- 2.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt
 - 2.2. Chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất phải được thu gom và xử lý triệt để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
 - 2.3. Chủ dự án phải tuân thủ thực hiện các tiêu chuẩn Việt Nam môi về môi trường tương ứng theo đúng tinh thần Quyết định số 35-2002/QĐ-BKH-CNMT của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ngày 25 tháng 06 năm 2002.
 - 2.4. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo đúng các chỉ tiêu và tần suất nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê chuẩn. Kết quả giám sát phải được cập nhật và cung cấp báo cáo cho Sở Tài nguyên-Môi trường kiểm tra, theo dõi.
 - 2.5. Mọi thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê chuẩn đều phải thông báo bằng văn bản và chỉ được thực hiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

TỜ TRÌNH

(Về việc xin được tiếp tục sử dụng hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ

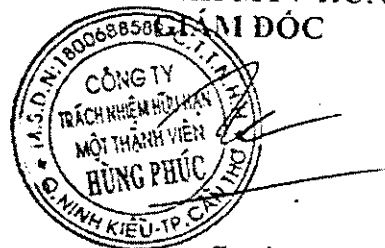
Ngày 28/9/2015, Công ty TNHH MTV Hùng Phúc đã trúng giá mua lại tài sản của Công ty TNHH An Khang tọa lạc tại Lô 2-9A2, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty TNHH MTV Hùng Phúc đã tiến hành thực hiện các thủ tục chuyển giao tài sản và chuyển đổi tên từ Công ty TNHH An Khang thành Công ty TNHH MTV Hùng Phúc. Đến nay thì các thủ tục trên đã hoàn tất và công ty chính thức tiếp nhận lại toàn bộ nhà xưởng của Công ty TNHH An Khang để hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tiếp tục kế thừa sản xuất vẫn là chế biến thủy sản xuất khẩu hoàn toàn giống như trước nhưng công suất sản xuất và sản phẩm giảm 1/2 lần so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt cho Công ty TNHH An Khang.

Hiện nay, Công ty TNHH Hùng Phúc đang sử dụng lại tất cả nhà xưởng và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng trước đây của Công ty TNHH An Khang và vẫn đang vận hành tốt, công ty không xây dựng thêm bất cứ công trình nào mới mà chỉ sửa chữa một số thiết bị máy móc của nhà xưởng và hệ thống thống xử lý nước thải đã cũ nhằm đảm bảo vận hành tốt ổn định.

Nay, Công ty TNHH Hùng Phúc xin kính trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép Công ty được tiếp tục sử dụng quyền Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu” của Công ty TNHH An Khang tại Lô 2-9A2, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, để Công ty làm cơ sở thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, thực hiện công tác quản lý môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật (Xin đính kèm quyền ĐTM và Quyết định phê duyệt của Công ty TNHH An Khang).

Rất mong được sự xem xét và chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường để công ty được phép hoạt động./.

CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC**ĐỖ HÙNG LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 04/HĐ/XLNT.KCN
Ký kết ngày 22 tháng 09 năm 2022

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

và

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

Địa điểm thực hiện đầu nối: Lô 2.9A2, Đường số 10
Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP.Cần Thơ

Mã số khách hàng

N	T	0	0	0	5	4
---	---	---	---	---	---	---

NĂM 2022

Phần III. Nội dung hợp đồng

Sau khi cùng bàn bạc thảo luận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. Nội dung công việc

1.1 Bên A nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

1.2 Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B đã được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn(B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trà Nóc.

1.3 Bên A tiếp tục xử lý nước thải của Bên B từ loại B sang loại A theo Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 2. Điểm đầu nối

Vị trí đầu nối: Theo sơ đồ hiện trạng vị trí đầu nối (đính kèm bản vẽ sơ đồ).

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng nước thải

3.1 Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại nhà máy, Bên B đăng ký xả thải vào hệ thống thu gom nước thải do Bên A quản lý. Căn cứ Quyết định phê duyệt ĐTM (hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường) số 52/QĐ.STNMT ngày 11/8/2006 do Sở Tài nguyên - Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Khang nay là Công ty TNHH một thành viên Hùng Phúc tiếp tục kế thừa theo công văn số 3290/STNMT-CCBVMT ngày 27/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ tại nhà máy phải đạt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp.

(Trường hợp Nhà nước ban hành Quy chuẩn mới thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn mới, thời điểm áp dụng kể từ ngày quy chuẩn mới có hiệu lực thi hành)

3.2 Chất lượng nước thải do Bên B xả ra sẽ được Bên A xác định dựa trên mẫu nước thải của Bên B. Bên A có quyền chỉ định số lần lấy mẫu và thời điểm kiểm tra bất kỳ để xác định chất lượng nước thải của Bên B. Công tác lấy mẫu được chứng kiến giữa Bên A và Bên B, nếu Bên A và Bên B không thống nhất về thời gian và chất lượng mẫu nước thải thì phải có sự chứng kiến của Bên thứ ba khi tiến hành lấy mẫu. Chi phí phân tích mẫu do bên A chịu. Trường hợp Bên B yêu cầu lấy mẫu vì lý do nào đó thì Bên B sẽ phải chịu chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu đó.

3.3 Trường hợp nước thải của doanh nghiệp khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A vượt tiêu chuẩn loại B theo QCVN về nước thải công nghiệp có hiệu lực hiện hành (do sự cố hoặc do yếu tố khách quan), thì Bên A chỉ tiếp nhận nước thải của bên B với COD không vượt quá 600mg/L, SS không vượt quá 300mg/L, tổng Nito không vượt quá 70mg/L và tổng Photpho không vượt quá 20mg/L. Đối với những chỉ

e. Khi phát hiện chất lạ hoặc hàm lượng một chất vượt chuẩn tới ngưỡng gây hại có trong nước thải của Bên B gây nguy hại cho hệ thống xử lý nước thải, Bên A ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B.

f. Tỷ lệ tăng giá hàng năm: ổn định đơn giá dịch vụ xử lý nước thải trong 03 (ba) năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng sau đó thực hiện 1 năm tăng giá 1 lần theo hệ số trượt giá là 5%.

4.2 Khối lượng nước thải chịu phí dịch vụ

Do lưu lượng nước thải của Bên B dưới $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ nên Bên B phải chịu phí lắp đặt hệ thống hồ ga, đồng hồ đo lưu lượng theo tiêu chuẩn chung trong Khu Công Nghiệp Trà Nóc - Cần Thơ

Trong trường hợp đồng hồ bị hư hoặc tắc nghẽn thì nước thải trong thời gian này được tính bằng: số ngày bị hư x với nước thải bình quân của 7 ngày trước đó hoặc xác định khối lượng nước thải để tính phí bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước (theo Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014).

4.3 Điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải: Đơn giá xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh thêm trong các trường hợp sau đây:

- Giá cả thị trường thay đổi làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào xử lý nước thải như phí hóa chất, phí điện năng, chi phí vận hành

- Thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước.

Điều 5: Phương thức và thời hạn thanh toán

Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, phí chuyển khoản do bên B chịu.

Thời hạn thanh toán: hàng tháng Bên A sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo của Bên A. Nếu không thanh toán đúng thời hạn, Bên A sẽ tính lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn (...%) cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán. Nhưng thời gian trễ hạn tối đa không quá hai (02) tháng. Quá thời hạn này, việc thanh toán trễ hạn được xem là vi phạm hợp đồng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký kết. Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của bên B nếu không nhận được khoản thanh toán sau 2 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của bên B.

- Kiểm tra việc xả nước thải của Bên B, lấy mẫu phân tích khi cần thiết.

- Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng này và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện biện pháp xử lý cục bộ khi nguồn nước thải vượt quá tiêu chuẩn nước thải trước khi xử lý quy định tại điều 3 của hợp đồng và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về môi trường vào từng thời điểm, trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN;

- Thanh toán phí xử lý nước thải đầy đủ, đúng thời hạn theo Điều 5 của Hợp đồng này;

- Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn đã thỏa thuận, ký kết.

- Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

- Đầu nối hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đầu nối;

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho các Bên liên quan theo quy định của pháp luật;

- Không được xả các chất không phải là nước thải và chất độc hại gây nguy hại đối với hệ thống nước thải tập trung của Bên A. Tách riêng triệt để hệ thống thoát nước thải và nước mưa nội bộ.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Vi phạm Hợp đồng và xử lý vi phạm Hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng.

8.1 Hợp đồng được coi là bị vi phạm (vi phạm hợp đồng) khi có một trong các sự kiện sau đây xảy ra:

- Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này.

- Nguồn nước thải do bên B thải ra vượt quá tiêu chuẩn nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của bên A quy định tại điều 3 của hợp đồng này.

- Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ biện pháp xử lý cục bộ như thỏa thuận (theo ĐTM hoặc Cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt).

- Bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, không đúng hạn phí dịch vụ như đã quy định tại điều 5 của hợp đồng này.

8.2 Các hành vi vi phạm bên B không được thực hiện:

- Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Điều 9. Thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày hết hạn của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HD/TLĐ.KCN ngày 22/12/2016 đính kèm các Phụ lục của hợp đồng này được ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

Điều 10: Sửa đổi hợp đồng

Khi sửa đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào trong hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và đính kèm với hình thức phụ lục hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

- Hợp đồng thuê lại đất chấm dứt trước thời hạn hoặc hết hạn mà không có sự thoả thuận nào giữa hai bên.

- Khi bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong hợp đồng này.

- Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Bên B bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư.

- Trường hợp bất khả kháng và đã thi hành mọi biện pháp khắc phục nhưng không thành công.

- Khi chấm dứt hợp đồng, bên B vẫn phải trả đầy đủ cho bên A các khoản chi phí chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của bên B tại khu công nghiệp.

- Khi phát sinh các vấn đề liên quan cần chấm dứt hợp đồng.

- Bên A thông báo bằng văn bản cho bên B (hoặc ngược lại) trước 15 ngày khi quyết định chấm dứt hợp đồng xử lý nước thải.

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 12. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên chủ động thông báo cho nhau và cùng bàn bạc đi đến thống nhất.

- Định kỳ hoặc đột xuất bên A sẽ chủ động lấy mẫu nước thải ít nhất một lần một tháng có sự chứng kiến của Bên B. Kết quả kiểm nghiệm mẫu do Nhà máy xử lý nước thải tập trung phân tích sẽ được dùng để tính phí xử lý nước thải cho Bên B. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu. Trong trường hợp có tranh chấp về kết quả kiểm nghiệm,.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 39/ 2023/HD-TDX

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc;

Hôm nay, ngày 24 tháng 07 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Địa chỉ : 133 Phạm Ngũ Lão, P Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Điện thoại : 02923.768.443

Fax: 0710 3733988

Mã số thuế : 1800 688 588

Số tài khoản : 44574429 Tại Ngân hàng ACB, chi nhánh Cần Thơ

Đại diện : Ông ĐỖ HÙNG LONG

Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04 HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại : 0272.3758858

Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện : Ông ĐỖ HUY LỰC

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

	lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại			
5	Ác quy chì thái	19 06 01	Kg	Rắn
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Kg	Rắn

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải ở kho của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc, tại địa chỉ: Lô 2-9a2, đường số 10, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ.

3.1.2 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại

3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thời hạn thanh toán:

- **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng;

Hồ sơ thanh toán gồm:

+Giấy đề nghị tạm ứng

- **Đợt 2:** Sau khi thu gom, trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được đủ hồ sơ thanh toán, Bên A sẽ thanh toán đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng (sau khi trừ giá trị tạm ứng).

Hồ sơ thanh toán gồm:

+Giấy đề nghị thanh toán

+Hóa đơn tài chính

+Biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH

+Biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH đợt 2.

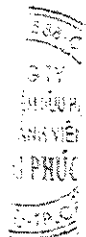
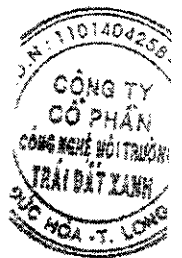
ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

4.1.2 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.3 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi



ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01(một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẮP)



ĐỖ HÙNG LONG

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VÀNG CHUYỂN XỬ LÝ)



CTY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Số: 20 /HP-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

—o o o—

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHÉ LIỆU

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Do ông: **ĐỖ HÙNG LONG** chức vụ: Giám đốc – Làm đại diện.

Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800688588.

Tel: 0292.3768443

Fax: 0292.3733988.

Tài khoản: 44574429

ngân hàng ACB Cần Thơ.

BÊN MUA (BÊN B): HỘ KINH DOANH LÊ THỊ LAN

Do bà: **LÊ THỊ LAN** làm đại diện.

Địa chỉ: 358, KV Thới Hòa, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán phế liệu, với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: Bên A đồng ý bán cho bên B các loại phế liệu như sau:

- Giấy carton, giấy vụn, chai nhựa, sắt, inox, nilong, bóng đèn, nhớt cũ,...
- Giá cả tùy theo thời điểm tăng lên hoặc hạ xuống

ĐIỀU 2: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng.
- Hợp đồng được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Lan

LÊ THỊ LAN



ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐỖ HÙNG LONG

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH

Số: 44/2022/HDDV-BT

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ khả năng, điều kiện và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022, tại Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Minh Thông, chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên thuê dịch vụ)

- Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc
- Người đại diện: Đỗ Hùng Long - Chức vụ:
- Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại:
- Mã số thuế: 1800688588
- Tài khoản:

Bên B: (Bên cung ứng dịch vụ)

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Minh Thông
- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Hậu - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: số 912B, Khu vực 2, P. Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại: 02923.836.224
- Tài khoản: 1800201050715 tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, TP Cần Thơ
- Mã số thuế: 1 8 0 0 5 6 8 4 7 4

Sau khi bàn bạc trao đổi, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ vệ sinh với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên A (bên thuê dịch vụ) đồng ý thuê Bên B (bên cung ứng dịch vụ) thực hiện công tác thu gom và vận chuyển khối lượng rác thải sinh hoạt tại địa chỉ bên A
2. Thời gian lấy rác: 01 ngày/01 lần
3. Khối lượng rác bình quân: 25 m³/tháng, khi khối lượng rác thu gom tăng hơn so với mức này hai bên sẽ tiến hành xác định lại khối lượng để làm cơ sở thanh toán. Với đơn giá theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: Giá trị hợp đồng: Căn cứ khối lượng rác thực tế của Bên A, hai bên thống nhất theo giá khoán là: 4.000.000 đồng/tháng (bao gồm VAT).
2. Phương thức thanh toán: Hàng tháng Bên A thanh toán bằng tiền mặt cho bên B trong khoảng thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề.

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
SINH HOẠT

Số: : 01/2023-CTRS

1. Bên giao: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc

ĐT: 0989.176.555

- Địa chỉ trụ sở chính: 133 Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TPCT.

- Địa chỉ cơ sở: Lô 2-9A2, đường số 10, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ.

2. Bên nhận: Công ty TNHH DVTM Minh Thông

- Địa chỉ văn phòng: 912B, KV2, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP Cần Thơ

- ĐT: 02923.836.224

3. Khối lượng: CTR sinh hoạt chuyển giao

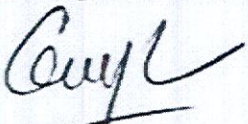
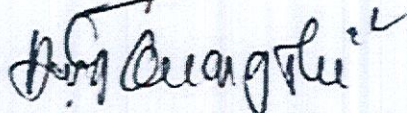
TT	Các loại chất thải	CTRC sinh hoạt chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	98.916	Từ tháng 01/2023-12/2023

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên giao

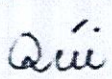
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)


Trần Thị Quý

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 01/2023-CTRCNTT

1. Bên giao: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc DT: 0989.176.5-
Địa chỉ trụ sở chính: 133 Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TPCT.
Địa chỉ cơ sở: Lô 2-9A2, đường số 10, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ.

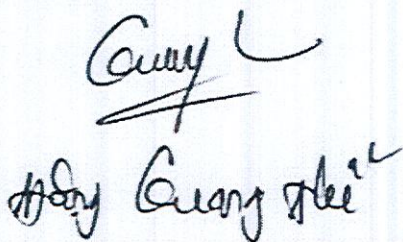
2. Bên nhận: Hộ kinh doanh Lê Thị Lan
Địa chỉ văn phòng: 358, KV Thới Hòa, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TPCT
ĐT: 0786.484.026

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tải sử dụng, tải chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	18.967	Từ tháng 01/2023- 12/2023
2	Chất thải phải xử lý	0	
3	Tổng khối lượng	18.967	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên giao
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên nhận
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Lan

Lê Thị Lan

**THÀNH PHỐ CẦN THƠ BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÁC CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số: 02/2023-CTRCNTT

1. Bên giao: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc

ĐT: 0989.176.555

- Địa chỉ trụ sở chính: 133 Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TPCT.

- Địa chỉ cơ sở: Lô 2-9A2, đường số 10, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ.

2. Bên nhận: Công ty TNHH MTV Thủy sản Đại Hà

- Địa chỉ: A28T82, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

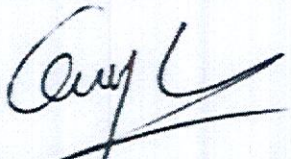
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Phụ phẩm thủy sản	950.000	Từ tháng 01/2023-12/2023

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên giao

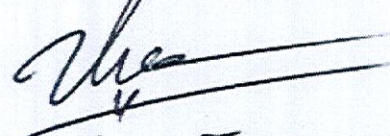
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

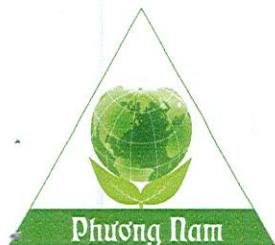

Dương Quang Hải

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Thanh Hải



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn

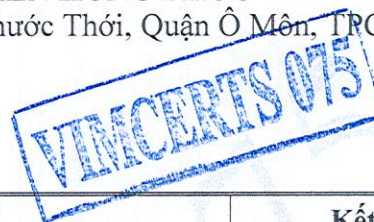


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002405.23

MSM: PNE.23.0972.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Ngày trả kết quả : 22/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,1	6,9
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	301	11,5
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	557	27,5
4	SS ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	188	16,8
5	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	60	8,0
6	Tổng Photpho ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	32	5,0
7	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 ⁶	2,1 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào htxl nước thải tập trung (X=1118230; Y=576791);
- NT02: Nước thải đầu ra htxl nước thải tập trung (X=1118222; Y=576809);
- (#): Chỉ tiêu được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002406.23
MSM: PNE.23.0972.NM01

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Ngày trả kết quả : 22/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM01
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0
2	SS	mg/L	TCVN 6625:2000	29
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	22
5	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,40
6	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,69
7	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	9,3 x 10 ²

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM01: Nước mặt Rạch Sang Trắng tại vị trí cách nhà máy 100m nơi tiếp nhận nguồn nước thải (X=1118308; Y=576859).

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002407.23
MSM: PNE.23.0972.XQ01

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Ngày trả kết quả : 22/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				XQ01
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,7
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,0
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	57,0
4	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	0,095
5	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	55
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	23
7	CO	µg/m ³	HD12-KK-CO	< 4.500
8	NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	< 50,0
9	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	< 9,0

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Khu vực cổng nhà máy (X=1118388; Y=576568).

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiên



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

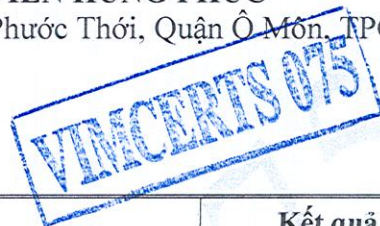
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002408.23
MSM: PNE.23.0972.SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Ngày trả kết quả : 22/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				SX01
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,2
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,6
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	57,3
4	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,150
5	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,040
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,057
7	CO	mg/m ³	HD12-KK-CO	6,1
8	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	< 0,050
9	H ₂ S	mg/m ³	MASA Method 701	< 0,0090

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Khu vực phân xưởng nhà máy (X=1118333; Y=576663).

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

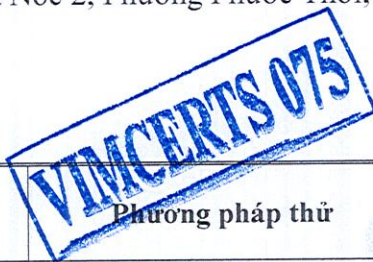
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0014179.23
MSM: HCM.23.4866.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2023
Ngày trả kết quả : 08/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,12	6,98
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	316	19
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	593	25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	180	17
5	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	66,1	9,17
6	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	13,8	1,24
7	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4,6 x 10 ⁵	2,1 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào HTXL nước thải tập trung (X=1118230; Y=576791);
- NT02: Nước thải đầu ra HTXL nước thải tập trung (X=1118222; Y=576809);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

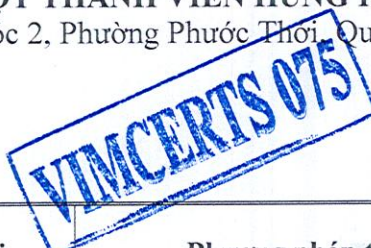
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0014177.23
MSM: HCM.23.4866.NM01

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2023
Ngày trả kết quả : 08/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM01
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,80
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	27
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	6
5	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,12
6	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,4
7	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,4 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM01: Nước mặt Rạch Sang Trắng tại vị trí cách nhà máy 100m nơi tiếp nhận nguồn nước thải (X=1118308; Y=576859).

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc



Lai Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0014178.23
MSM: HCM.23.4866.XQ01

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2023
Ngày trả kết quả : 08/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,6	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	61,2	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,0	70 ^a
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	102,2	300
5	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	57,34	350
6	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	53,42	200
7	CO	µg/Nm ³	HD12-KK-CO	< 4.500	30.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995	< 50,0	200
9	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701	< 9,00	42

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Khu vực cổng nhà máy (X=1118388; Y=576568);
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc



Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0014180.23
MSM: HCM.23.4866.SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa điểm lấy mẫu : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2023
Ngày trả kết quả : 08/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				SX01	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	29,6	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	55,9	40 ÷ 80 ^a
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,8	85 ^b
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,15	8 ^c
5	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,059	10
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,069	10
7	CO	mg/m ³	HD12-KK-CO	< 4,50	40
8	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	< 0,050	25
9	Hydro sulfide (H ₂ S)	mg/m ³	MASA Method 701	< 0,0090	15

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Khu vực phân xưởng nhà máy (X=1118333; Y=576663);
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc

Lại Minh Tiến